

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày: 13 – 8 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Quốc Việt;

2. Ông Nguyễn Kim Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Ông Đinh Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2020/TLST-HS ngày 23/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phúc Q, sinh năm 1988 tại tỉnh Đ.

Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963 và bà Lý Thị Kim D, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2020 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N (có mặt).

2. Huỳnh Lê C, sinh năm 1988 tại tỉnh Đ.

Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã B, huyện N, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã B, huyện N, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1962 và bà Lê Thúy H, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ tên Trần Thị Thu D, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2012; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2020 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Lê C, Phạm Văn G và Nguyễn Phúc Q là đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 23 giờ ngày 04/04/2020 Q và G rủ nhau đi ăn hủ tiếu tại một quán không tên thuộc ấp A, xã B, huyện N, sau khi ăn xong G lái xe mô tô không nhớ biển kiểm soát của Q chở Q ngồi phía sau trên đường đi Q nói với G cùng góp tiền mua ma túy để sử dụng, G đồng ý nhưng nói hết tiền mà nói chỉ có 70.000đ của C đang nợ G nhưng chưa trả, lúc này Q gọi điện thoại rủ C cùng góp tiền với Q và G mua ma túy sử dụng C đồng ý và nói với Q cho C mượn 70.000đ trả nợ cho G để G lấy tiền góp vào mua ma túy, thỏa thuận với nhau xong cả 3 người thống nhất là Q góp 110.000đ, G góp 70.000đ tiền này do Q cho C mượn để trả nợ G, C góp 120.000đ. Sau đó G lái xe mô tô chở Q đến đón C, G lái xe mô tô chở Q ngồi giữa, C ngồi sau cả 3 người rủ nhau đi đến phòng trọ của Trần Văn C1 (sinh năm: 1999), ngụ tại KP E, phường F, TP. G, tỉnh H thuê phòng trọ số 01 của anh Nguyễn Văn Q tại ấp T, xã B. Trên đường đi C ngồi sau gọi điện thoại cho một đối tượng tên V (chưa rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua ma túy với giá 300.000đ V đồng ý. Khi đi đến phòng trọ của C1 thì G và Q đi bộ vào phòng trọ của C1 còn C điều khiển xe mô tô của Q đi gặp V để mua ma túy C chạy xe mô tô đến chợ sáng xã B gặp V mua 04 gói ma túy với giá 300.000đ. Sau đó C chạy xe mô tô đi về phòng trọ của C1 thì Q ra lấy xe đi mua Card điện thoại, còn C cầm 04 gói ma túy đi vào phòng trọ của C1. Tại đây C để 04 gói ma túy trên nền nhà rồi lấy 01 một bộ dụng cụ nổ thủy tinh chuẩn bị sử dụng, riêng Q sau khi mua card thì quay về phòng trọ của C1 cùng lúc này bạn gái của Q tên là Oanh đến đòi lại xe nên Q trả lại xe cho bạn gái xong rồi đi vào phòng trọ của C1, lúc này trong phòng có Q, C, G, C1 và bạn gái của C1 là Lê Thị Tú A. Q lấy 04 gói ma túy ra chuẩn bị sử dụng thì bị lực lượng Công an xã B đến kiểm tra hành C1, thấy vậy C cầm 04 gói ma túy trên cát giấu vào tay áo sơ mi trắng của C1 đang treo trong phòng trọ thì bị phát hiện nên lực lượng Công an xã B đưa Q, C và G về Công an xã B lập biên bản quả tang và chuyển toàn bộ hồ sơ về cơ quan Cảnh sát điều tra về ma túy Công an huyện thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số: 688/KLGD-PC09 ngày 10/04/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ xác định: Mẫu tinh thể màu trắng niêm phong có chữ ký của Huỳnh Lê C, Phạm Văn G, Nguyễn Phúc Q, Trần Văn C1 và dấu tròn màu đỏ của Công an xã B, huyện N (ký hiệu M) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,4642 gam, loại Methamphetamine.

+ Tang vật thu giữ: 04 gói nylon hàn kín hai đầu, kích thước 0,5 x 02cm, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu samsung của Nguyễn Phúc Q gắn sim mobile; 01 điện thoại di động hiệu nokia gắn sim mobile (không có nắp lưng) của Phạm Văn G; 01 điện thoại di động hiệu nokia màu trắng tím có gắn sim mobile của Huỳnh Lê C; 01 chiếc áo sơ mi màu trắng; 01 nổ thủy tinh.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng số 96/CT.VKS ngày 17/07/2020 và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Phúc Q mức án từ 16 đến 18 tháng tù giam;
- Bị cáo Huỳnh Lê C mức án từ 14 đến 16 tháng tù giam.

Đối với bị cáo Phạm Văn G trong quá trình bị bắt tạm giam đã bị bệnh chết vào ngày 01/08/2020 nên Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ vụ án đối với bị cáo Phạm Văn G.

+ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,4476 gam; 01 chiếc áo sơ mi màu trắng; 01 chiếc nỏ bằng thủy tinh.
- Tịch thu tiêu hủy 01 sim 0933743513 là tài sản của Nguyễn Phúc Q.
- Tịch thu tiêu hủy 01 sim 0799159208 là tài sản của Huỳnh Lê C.
- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Nguyễn Phúc Q, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng tím của Huỳnh Lê C.
- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia của Phạm Văn G (Có Cha, mẹ ruột là ông Phạm Văn L, bà Trần Thị T) do không liên quan đến vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phúc Q, Huỳnh Lê C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố tại bản Cáo trạng số 96/CT.VKS-NT ngày 17/07/2020. Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện N và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Xét các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Phúc Q, Huỳnh Lê C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án. Cho thấy: Vào khoảng 23 giờ ngày 04/04/2020 tại phòng trọ của Trần Văn C1 thuộc ấp T, xã B, huyện N, các bị cáo Nguyễn Phúc Q, Huỳnh Lê C đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (loại Methamphetamine) có khối lượng 0,4642 gam thì bị lực lượng Công an xã B, huyện N phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Như vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung

năm 2017) có mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù nên bản Cáo trạng số 96/CT.VKS-NT ngày 17/07/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đ truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Phúc Q, Huỳnh Lê C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự phù hợp với các quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó hiện nay tệ nạn ma túy đang diễn ra hết sức phức tạp, lôi kéo nhiều người vào con đường nghiện ngập, là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Các bị cáo cùng nhau góp tiền mua ma túy nhằm mục đích tàng trữ để sử dụng, thỏa mãn nhu cầu cho bản thân. Các bị cáo biết rất rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì nghiện ma túy nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và có tính chất đồng phạm nên cần căn cứ vào hành vi phạm tội của từng bị cáo để xem xét quyết định hình phạt.

+ Xét vai trò của các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Phúc Q là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo giữ vai trò C1 và phải chịu trách nhiệm tương xứng về hành vi phạm tội của mình.

- Bị cáo Huỳnh Lê C khi nghe bị cáo Q rủ rê góp tiền mua ma túy về sử dụng đã đồng ý và nhờ Q cho C mượn 70.000 đồng trả nợ cho Phạm Văn G để G sử dụng số tiền này góp chung cùng với Q, C mua ma túy. Trên đường về phòng trọ của Trần Văn C1, C đã gọi điện thoại cho đối tượng tên V hỏi mua ma túy và trực tiếp điều khiển xe mô tô đến chợ sáng xã B gặp V mua 04 gói ma túy với giá 300.000 đồng đem về cho đồng bọn cùng sử dụng và là người trực tiếp cất giấu ma túy nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi của mình.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh và mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Đối với Phạm Văn G đã thực hiện hành vi phạm tội hoàn thành cùng với bị cáo Q, C nhưng đã bị bệnh chết vào ngày 01/8/2020 nên Hội đồng xét xử đã đình chỉ vụ án đối với Phạm Văn G theo Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2020/HSST-QĐ ngày 13/8/2020.

Đối với đối tượng tên V là người bán ma túy cho Huỳnh Lê C nhưng do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Trần Văn C1 và Lê Thị Tú A không biết, không tham gia bàn bạc, thỏa thuận mua ma túy để sử dụng nên cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự và đề nghị Công an xã B lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành C1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có cơ sở.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,4476 gam;
- 01 chiếc áo sơ mi màu trắng; 01 chiếc nỏ bằng thủy tinh; 01 sim 0933743513 là tài sản của Nguyễn Phúc Q; 01 sim 0799159208 là tài sản của Huỳnh Lê C liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Nguyễn Phúc Q, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng tím của Huỳnh Lê C cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.
- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia của Phạm Văn G (Có Cha, mẹ ruột là ông Phạm Văn L, bà Trần Thị T) do không liên quan đến vụ án là phù hợp.

Đối chiếc xe mô tô không nhớ biển kiểm soát do Q sử dụng là của bạn gái của Q tên Oanh, Q đã trả lại cho bạn gái trước khi bị bắt quả tang nên Công an xã B không thu giữ được, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[5] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Phúc Q, Huỳnh Lê C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326, 327 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phúc Q, Huỳnh Lê C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Phúc Q **01 (một) năm 04 (bốn) tháng** tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2020.
- Bị cáo Huỳnh Lê C **01 (một) năm 02 (hai) tháng** tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2020.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,4476 gam;
- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo sơ mi màu trắng; 01 chiếc nỏ bằng thủy tinh;
- Tịch thu tiêu hủy 01 sim 0933743513 là tài sản của Nguyễn Phúc Q; 01 sim 0799159208 là tài sản của Huỳnh Lê C liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Nguyễn Phúc Q, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng tím của Huỳnh Lê C.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia của Phạm Văn G (Có Cha, mẹ ruột là ông Phạm Văn L, bà Trần Thị T) do không liên quan đến vụ án.

(Hiện vật chứng, tài sản trên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản hồi 16 giờ 00 phút ngày 22/7/2020)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc các bị cáo Nguyễn Phúc Q, Huỳnh Lê C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKS,THA,CAH;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp (Nơi bị cáo đăng ký HKTT);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký tên và đóng dấu

Dương Hữu Chí